

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI Y TẾ DCA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI Y TẾ DCA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DCA MEDICAL COMMERCE AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DCA MEDICAL COMMERCE AND SERVICE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110647914

**3. Ngày thành lập:** 13/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 191 phố Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948367019

Fax:

Email: [manhcuong08008@gmail.com](mailto:manhcuong08008@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                             | 4322        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn văn phòng phẩm;                                             | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                               | 4651        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(không bao gồm thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện)                                                                  | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; máy móc, thiết bị y tế; | 4659(Chính) |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và Nhà nước cấm)         | 4669        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;                                              | 8299        |
| 8.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                         | 9511        |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                        | 9512        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                      | 9521        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm;                                 | 6209        |

|     |                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô;                                                                                                                                                               | 7710 |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                             | 4933 |
| 14. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                   | 7730 |
| 15. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>- Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho y tế, phẫu thuật, nha sĩ và thú y;                                                                                                                | 3100 |
| 16. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                      | 3250 |
| 17. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                       | 3312 |
| 18. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                           | 3313 |
| 19. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                           | 3314 |
| 20. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                          | 3320 |
| 21. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                    | 3700 |
| 22. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                   | 3811 |
| 23. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                         | 3812 |
| 24. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                         | 3821 |
| 25. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                               | 3822 |
| 26. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                 | 3830 |
| 27. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                | 3900 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                            | 4321 |
| 29. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4741 |
| 30. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                        | 4742 |
| 31. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức       | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO CÔNG ANH   | Việt Nam  | Tổ 1, Khu 4A, Phường Cẩm Trung, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | 2.500.000.000         | 50,000    | 022091000733                                                                                            |         |

|   |                         |             |                                                                                                  |               |        |              |  |
|---|-------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>MẠNH<br>CƯỜNG | Việt<br>Nam | Số 191 Phố Hồng<br>Mai, Phường Quỳnh<br>Lôi, Quận Hai Bà<br>Trung, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | 2.500.000.000 | 50,000 | 001082013513 |  |
|---|-------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/08/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001082013513

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 191 Phố Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 191 Phố Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội